

Số: 02/QĐ-MNTTH2

Củ Chi, ngày 03 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai tất cả các loại quỹ về thu chi Ngân sách,
nguồn thu sự nghiệp, thu hộ - chi hộ Năm 2022**

TRƯỜNG MẦM NON TÂN THÔNG HỘI 2

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ – CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT – BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài Chính; Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT – BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của bộ phận tài vụ Trường Mầm Non Tân Thông Hội 2.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai công khai tất cả các loại quỹ về thu chi Ngân sách, nguồn thu sự nghiệp, thu hộ - chi hộ Năm 2022 của Trường Mầm Non Tân Thông Hội 2 (Kèm theo biểu).

Điều 2: Hình thức niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của đơn vị, trong Hội đồng sư phạm của đơn vị và đồng thời công bố trên trang điện tử <https://mntanthonghoi2.hcm.edu.vn/>.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4: Ban giám hiệu, các phòng ban có liên quan và CB-GV-CNV Trường Mầm non Tân Thông Hội 2 thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Thu Thủy

Cử Chi, ngày 03 tháng 01 năm 2023

BIÊN BẢN

**Về việc công bố công khai tất cả các loại quỹ về thu chi Ngân sách,
nguồn thu sự nghiệp, thu hộ - chi hộ Năm 2022**

Thời gian: Vào lúc 15 giờ 30 phút, ngày 03 tháng 01 năm 2023

Địa điểm: Hội trường, Trường Mầm non Tân Thông Hội 2.

Chủ trì: Bà Lê Thị Thu Thủy - Hiệu trưởng - Trưởng ban.

NỘI DUNG:

1. Thành phần công khai

- Bà Lê Thị Thu Thủy – Hiệu trưởng
- Bà Lưu Thị Thuý Diễm - Phó hiệu trưởng
- Bà Nguyễn Thị Thuý - Phó hiệu trưởng
- Bà Nguyễn Thị Gấm - Tổ trưởng Khối Mầm
- Bà Nguyễn Thị Hạnh - Tổ trưởng Khối Chồi
- Bà Hà Thị Kiều - Tổ trưởng Khối Lá
- Bà Nguyễn Thái Ngân – Trưởng Ban thanh tra nhân dân
- Bà Châu Mộng Thuý - Tổ trưởng Văn Phòng

2. Nội dung công khai

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-MNTTH2 ngày 03/01/2023 của Trường Mầm non Tân Thông Hội 2 về việc công bố công khai tất cả các loại quỹ về thu chi Ngân sách, nguồn thu sự nghiệp, thu hộ - chi hộ Năm 2022

Nhà trường thiết lập đầy đủ hồ niêm yết công khai tất cả các loại quỹ về thu chi Ngân sách, nguồn thu sự nghiệp, thu hộ - chi hộ Năm 2022 của Trường Mầm non Tân Thông Hội 2 gồm có:

Công khai tất cả các loại quỹ về thu chi Ngân sách, nguồn thu sự nghiệp, thu hộ - chi hộ Năm 2022

Thời gian niêm yết: Từ 03/01/2023 đến hết ngày 03/02/2023.

Biên bản kết thúc lúc 16 giờ 10 phút cùng ngày ./.

THƯ KÝ

Qian

Bùi Ngọc Kiều Vân



HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thu Thủy

Cử Chi, ngày 04 tháng 01 năm 2023

THÔNG BÁO

**Về việc công bố công khai tất cả các loại quỹ về thu chi Ngân sách,
nguồn thu sự nghiệp, thu hộ - chi hộ Năm 2022**

Thời gian: Vào lúc 8 giờ 40 phút, ngày 04 tháng 01 năm 2023

Địa điểm: Hội trường, Trường Mầm non Tân Thông Hội 2.

Chủ trì: Bà Lê Thị Thu Thủy – Hiệu trưởng - Trưởng ban.

NỘI DUNG:

1 . Thành phần công khai

- Bà Lê Thị Thu Thủy – Hiệu trưởng
- Bà Lưu Thị Thuý Diễm - Phó hiệu trưởng
- Bà Nguyễn Thị Thuý - Phó hiệu trưởng
- Bà Nguyễn Thị Gấm - Tổ trưởng Khối Mầm
- Bà Nguyễn Thị Hạnh - Tổ trưởng Khối Chồi
- Bà Hà Thị Kiều - Tổ trưởng Khối Lá
- Bà Nguyễn Thái Ngân – Trưởng Ban thanh tra nhân dân
- Bà Châu Mộng Thuý - Tổ trưởng Văn Phòng

2. Nội dung

Lập biên bản về việc tháo dỡ niêm yết công khai Về việc công bố công khai tất cả các loại quỹ về thu chi Ngân sách, nguồn thu sự nghiệp, thu hộ - chi hộ Năm 2022 tại trụ sở làm việc.

Biên bản kết thúc lúc 9 giờ 00 phút cùng ngày, đại diện những người có liên quan thống nhất thông qua./.

Thư ký

van

Bùi Ngọc Kiều Vân

Hiệu trưởng



Lê Thị Thu Thủy

Lê Thị Thu Thủy

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH - KINH PHÍ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2022

STT	Nội dung	Tổng dự toán được sử dụng năm 2022	Năm 2021 chuyển sang	Dự toán đã phân bổ 2022	Quyết toán chi năm 2022	Tồn chuyển sang năm 2023	Trong đó:	
							Hủy	Chuyển sang 2023
A	B	I=2+3	2	3	4	5=1-4		
1	* Giáo dục phổ thông + Bảo vệ, phục vụ	0						6
	Nguồn 13							
1	- Giáo dục phổ thông	5.359.668.842	218.352.842	5.141.316.000	5.251.852.119	107.816.723	0	107.816.723
2	Kinh phí bảo vệ, phục vụ	4.205.521.852	37.384.852	4.168.137.000	4.195.162.878	10.358.974		10.358.974
3	Năng bậc lương	144.000.000		144.000.000	144.000.000	0		0
4	Tăng nhân sự	138.818.000		138.818.000	138.818.000	0		0
5	Nhân sự giảm	108.582.000		108.582.000	108.582.000	0		0
6	Trợ cấp thôi việc	0		0	0	0		0
7	Kinh phí 200 giờ (6105)	408.664.351	102.091.351	306.573.000	300.293.648	108.370.703		108.370.703
								- Thực tế phát sinh giảm so với dự toán đầu năm
								- Cân đối chi thâm niên nhà giáo
8	* Phụ cấp thâm niên nhà giáo theo ND 54/2011/CP (6115x bảo hiểm)	354.082.639	78.876.639	275.206.000	364.995.593	-10.912.954		- Trong năm 2022, tăng 01 người (chuyển từ nơi khác đến tháng 06/2022 (Đỗ Nguyễn Ngọc Uyên)); 03 người nâng lương trước hạn (01 người từ tháng 3/2021; 01 người từ tháng 4/2021; 01 người từ tháng 9/2021).
								- Cân đối kinh phí 200 giờ đề chi,
	Nguồn 12 + 15	1.385.617.000	0	1.385.617.000	1.376.486.585	9.130.415	9.130.415	0
1	* KP hỗ trợ ăn trưa trẻ 3,4,5 tuổi theo TT 29 (6199)	10.080.000		10.080.000	4.800.000	5.280.000	5.280.000	Giảm số tháng chi hỗ trợ ăn trưa trẻ 3,4,5 tuổi theo TT 29
2	* KP Hỗ trợ khối MN theo NQ 01 (6116)	621.057.000		621.057.000	621.056.585	415	415	Chi theo thực tế phát sinh

Đvt: đồng

STT	Nội dung	Tổng dự toán được sử dụng năm 2022	Năm 2021 chuyển sang	Dự toán đã phân bổ 2022	Quyết toán chi năm 2022	Tồn chuyển sang năm 2023	Trong đó:		
							Hủy	Chuyển sang 2023	Nguyên nhân
A	B	I=2+3	2	3	4	5=I-4			6
3	* KP Hỗ trợ khối MN theo NQ 04 (6103)	498.050.000		498.050.000	494.200.000	3.850.000	3.850.000		Trong năm 2022, có 01 người nghỉ việc từ tháng 09/2022; 01 người thai sản từ tháng 12/2022; tăng 01 người (chuyển từ nơi khác đến tháng 06/2022); 03 người nâng lương trước hạn (01 người từ tháng 3/2021; 01 người từ tháng 4/2021; 01 người từ tháng 9/2021).
7	* Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81 (NH: 2021 - 2022) 6157	3.600.000		3.600.000	3.600.000	0	0		
8	* Cấp bù học phí (7766-12)	8.640.000		8.640.000	8.640.000	0	0		
9	* Chính sách hỗ trợ học phí học kỳ II năm học 2021-2022 theo NQ 29/2021/NQ-HĐND (7766-15)	158.690.000		158.690.000	158.690.000	0	0		
10	Phụ cấp vùng sâu	0		0	0	0	0		
11	Trợ cấp Tết	55.500.000		55.500.000	55.500.000	0	0		
12	Mua sắm	0		0	0	0	0		
13	Sửa chữa	30.000.000		30.000.000	30.000.000	0	0		
14	* KP giữ trẻ ngoài giờ cho con công nhân tại KCN 6105	0				0	0		
15	* KP thực hiện miễn giảm dân tộc Chăm, Khmer (6199)	0				0	0		
16	* KP thực hiện miễn giảm học phí (NĐ 86) 6156	0				0	0		
	Nguồn 14 - KTX	234.024.499	234.024.499	0	234.024.499	0	0	0	0
1	* KP Thu nhập tăng thêm theo NQ 04/2022	234.024.499	234.024.499		234.024.499	0	0		
2	* Tình gián biên chế	0		0	0	0	0		
	Nguồn 14 - TX	2.041.641.180	1.051.412.180	990.229.000	2.041.641.180	0	0		
	* KP Thu nhập tăng thêm theo NQ 04/2022	2.041.641.180	1.051.412.180	990.229.000	2.041.641.180	0	0		
	* Tình gián biên chế	0		0	0	0	0		
	* Truy chỉnh lịch lương, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp thâm niên vượt khung, thâm niên nghề và các khoản đóng góp từ tháng 3 đến tháng 12/2021 cho các trường hợp nâng lương trước hạn	0				0	0		
	Khác	0	0	0	0	0	0		
	Tổng cộng	9.020.951.521	1.503.789.521	7.517.162.000	8.904.004.383	116.947.138	9.130.415	107.816.723	0

Người lập biểu

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Châu Mộng Thùy

QUYẾT TOÁN THU - CHI SỰ NGHIỆP NĂM 2022

Đơn: đồng

STT	Nội dung	Tổng cộng	Nguồn học phí	Nguồn thu thỏa thuận/ Dịch vụ								Anh văn	Giữ xe	Khác	
				Tổng cộng $3=3a+3b+3c+3d+3e+3f+3g+3h$	Tổ chức phục vụ bán trú $3a$	Thiết bị vật dụng phục vụ bán trú $3b$	Vệ sinh phí bán trú $3c$	Tiền công phục vụ ăn sáng $3d$	Nhíp điều $3e$	3f	3g				3h
		$I=2+3$	2												
1	Năm 2021 chuyển sang	155.937.934	-38.175.344	194.113.278	21.333.083	4.771.440	11.041.520	13.393.024	64.251.550	7.493.500	71.829.161	0			
	- Con người & hoạt động	-63.326.914	-71.813.635	8.486.721	0	583.440	2.301.131	0	0	5.602.150	0	0			
	- CCTL	219.264.848	33.638.291	185.626.557	21.333.083	4.188.000	8.740.389	13.393.024	64.251.550	1.891.350	71.829.161	0			
2	Thu trong năm 2022	1.458.543.750	143.990.000	1.314.553.750	575.070.000	68.800.000	116.632.000	199.863.000	140.880.000	141.518.750	71.790.000				
3	Quyết toán chi 2022	1.300.050.006	85.218.000	1.214.832.006	532.477.120	63.319.048	95.828.752	199.584.086	123.862.400	137.162.840	62.597.760	0			
	- Chi con người & hoạt động	1.066.394.767	4.360.500	1.062.034.267	468.587.800	63.319.048	61.172.183	199.584.086	98.336.000	122.223.750	48.809.400				
	- Chênh lệch thu > chi 2022	271.226.069	10.219.865	261.006.204	106.482.200	6.064.392	57.760.948	278.914	42.544.000	24.895.150	22.980.600				
	- 40% CCTL 2022 phát trích	159.740.073	57.596.000	102.144.073	42.592.880	0	23.104.379	278.914	17.017.600	9.938.060	9.192.240				
	- Chi trích 2% khấu hao TSCĐ năm 2022	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				
	- Chi trích quỹ năm 2022	233.655.239	80.857.500	152.797.739	63.889.320	-	34.656.569	-	25.526.400	14.937.090	13.788.360				
	+ Quỹ phúc lợi	29.388.261	6.468.600	22.919.661	9.583.398	-	5.198.485	-	3.828.960	2.240.564	2.068.254	0			
	+ Quỹ khen thưởng	0		0								0			
	+ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	137.963.828	8.085.750	129.878.078	54.305.922	-	29.458.084	-	21.697.440	12.606.526	11.720.106	0			
	+ Quỹ bổ sung thu nhập/On định thu nhập	66.303.150	66.303.150	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
	- Chi trích quỹ năm 2021 (trích trong niên độ năm 2022)	126.858.186	83.101.956	43.756.230	10.344.360	-	-	16.912.770	10.275.300	-	6.223.800	-			
	+ Quỹ phúc lợi	103.674.361	66.481.565	37.192.796	8.792.706	0	-	14.375.855	8.734.005	0	5.290.230	0			
	+ Quỹ khen thưởng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
	+ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	23.183.826	16.620.391	6.563.435	1.551.654	0	0	2.536.916	1.541.295	0	933.570	0			
	+ Quỹ bổ sung thu nhập/On định thu nhập	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
	- Tổng chi năm 2022 từ các nguồn Quỹ:	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
	+ Chi Quỹ phúc lợi theo quy chế chi tiêu nội bộ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
	+ Chi Quỹ khen thưởng theo quy chế chi tiêu nội bộ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
	+ Chi mua sắm nhỏ từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo quy chế chi tiêu nội bộ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
	+ Chi tăng thu nhập từ Quỹ bổ sung thu nhập/On định thu nhập theo quy chế chi tiêu nội bộ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
	- Tổng chi CCTL từ nguồn thu sự nghiệp năm 2022:	0	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
	+ Chi thu nhập tăng thêm theo NQ03 quý 3+4 năm 2020 cho lãnh đạo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
	+ Chi chênh lệch lương theo Nghị định 72/2019/NĐ-CP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			

STT	Nội dung	Tổng công	Nguồn học phí	Nguồn thu thỏa thuận/ Dịch vụ									
				Tổng cộng	Tổ chức phục vụ bán trú	Thiết bị vật dụng phục vụ bán trú	Vệ sinh phí bán trú	Tiền công phục vụ ăn sáng	Nhập liệu	Anh văn	Giữ xe	Khác	
		$I = 2 + 3$	2	$3 = 3a + 3b + 3c + 3d + 3e + 3f + 3g + 3h$	3a	3b	3c	3d	3e	3f	3g	3h	
	+Cân đối dự toán chi thường xuyên năm 2021 (chỉ chênh lệch lương từ 1,210trđ lên 1,490trđ)		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Tồn chuyển sang năm 2023	314.431.678	20.596.656	293.835.022	63.925.963	10.252.392	31.844.768	13.671.938	81.269.150	11.849.410	81.021.401	-	-
	- Con người & hoạt động	-64.573.243	-70.637.635	6.064.392		6.064.392			-	-	-	-	0
	- CCTL	379.004.921	91.234.291	287.770.630	63.925.963	4.188.000	31.844.768	13.671.938	81.269.150	11.849.410	81.021.401	-	-

TTH Ngày 03 tháng 01 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Người lập

Châu Mộng Thuý

Lê Thị Thu Thủy

TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2022

Đơn: đồng

Stt	Tên các nguồn quỹ	Số dư đầu kỳ (tính đến 31/12/2021)	Phát sinh tăng trong năm 2022	Trong đó:		Phát sinh giảm trong năm 2022	Số dư cuối kỳ (tính đến 31/12/2022)
				Ngân sách	Sự nghiệp		
1	Quỹ phúc lợi (7952) -TK:3713.0.MQHNS 94006	239.172.473	217.949.057	188.560.796	29.388.261	20.241.437	436.880.093
2	Quỹ bổ sung thu nhập (7951) -TK:3713.0.MQHNS 94007	272.000.000	134.870.712	68.567.562	66.303.150	272.000.000	134.870.712
3	Quỹ khen thưởng (7953) -TK:3713.0.MQHNS 94005	24.961.280	-		-		24.961.280
4	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp (7954) -TK:3713.0.MQHNS 94001	73.133.526	166.533.646	28.569.818	137.963.828	106.950.766	132.716.406
4	Quỹ chăm sóc sức khỏe ban đầu	-			-		-
	CỘNG	609.267.279	519.353.415	285.698.176	233.655.239	399.192.203	729.428.491

TTH, Ngày 03 tháng 09 năm 2023

Người lập



Châu Mộng Thủy

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Lê Thị Thu Thủy